

DANH MỤC

Học cụ - học liệu, thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú

Lớp Mầm (3 tuổi) - Năm học: 2025 - 2026

Stt	Tên	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền	Tổng tiền	Ghi chú
I. Học cụ - học liệu						
1	Viết chì deli - co	Cây	1	4,000	4,000	
2	Gôm tẩy viên đen	Viên	1	4,000	4,000	
3	Đất nặn 10 màu WinQD	Hộp	1	17,500	17,500	
4	Bút sáp màu 12 màu WinQD	Hộp	1	13,500	13,500	
5	Kéo số HS	Cây	1	5,500	5,500	
6	Hồ đầu lưới Win Glue (25ml)	Cây	1	3,000	3,000	
7	Bảng kim nguyên dày (lớn)	Cái	1	9,300	9,300	
8	Giấy thủ công sấp lớn	Xấp	1	2,000	2,000	
9	Giấy bao (Cường Thịnh)	Tờ	5	1,500	7,500	
10	Ký hiệu khăn	Cái	4	1,500	6,000	
11	Ký hiệu dán tập - đồ dùng	Cái	11	1,500	16,500	
12	Ký hiệu ca, bàn chải	Cái	5	1,500	7,500	
13	Phấn vẽ	Hộp		6,000	2,000	
14	Giấy vẽ	Gam		3,000	3,000	
	TC				101,300	
II. Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú						
1	Khăn trắng vuông 25cm	Cái	2	4,500	9,000	
2	Khăn vàng vuông 25cm	Cái	2	5,600	11,200	
3	Bàn chải đánh răng Happy	Cái	2	3,500	7,000	
4	Kem P/S hương dâu 45 g	Cái	2	8,500	17,000	
5	Ca inox	Cái	1	28,000	28,000	
6	Ca nhựa	Cái	1	5,000	5,000	
7	Tô ion	Cái	1	25,000	25,000	
8	Muỗng	Cái	1	2,000	2,000	
9	Dây may khăn	Mét		1,000	1,000	
	TC				105,200	
	TỔNG CỘNG: I+II				206,500	

NGƯỜI LẬP BẢNG


Nguyễn Thị Phương

HIỆU TRƯỞNG



Phan Thị Ngọc Giàu